

# 10 PHÁP CẦN ĐƯỢC DỨT BỎ

## *dhammā pahatabbā*

### 1. Ngã mạn

### 2. Vô minh & Hữu Ái

1. Vô minh
2. Hữu ái

### 3. Tam ái

1. Dục ái
2. Hữu ái
3. Phi hữu ái

### 4. Tứ bực

1. Dục bực
2. Hữu bực
3. Kiến bực
4. Vô minh bực

### 5. Ngũ triền cái

1. Dục dục cái
2. Sân độc cái
3. Hôn thụy cái
4. Tráo hồi cái
5. Hoài nghi cái
6. Vô minh cái

### 6. Lục Ái

1. Ái sắc
2. Ái thanh
3. Ái khí
4. Ái vị
5. Ái xúc
6. Ái pháp

## 7. Thất tiềm miên

1. Dục ái tiềm miên
2. Hữu ái tiềm miên
3. Phẫn uất tiềm miên
4. Ngã mạn tiềm miên
5. Tà kiến tiềm miên
6. Hoài nghi tiềm miên
7. Vô minh tiềm miên

## 8. Tám pháp cần đoạn trừ

1. Tà kiến (Micchādittḥi), tri kiến sai lầm, sự hiểu không đúng chân lý, như thường kiến, đoạn kiến v.v...
2. Tà tư duy (Micchāsankappo), sự suy nghĩ bất thiện, như ý tưởng tham dục, ý tưởng sân hận ý tưởng não hại.
3. Tà ngữ (Micchāvācā), lời nói bất chính, như nói dối, nói ly gián, nói độc ác, nói vô ích.
4. Tà nghiệp (Micchākammanto), hành động bất chính, như sát sanh, trộm cắp, tà dâm.
5. Tà mạng (Micchā-ājīvo), nuôi mạng bất chính, như làm nghề sát sanh, nghề trộm cướp, nghề lừa đảo...
6. Tà tinh tấn (Micchāvāyāmo), sự siêng năng bất chính, như siêng năng làm cho bất thiện pháp phát sanh.
7. Tà niệm (Micchāsati), sự vọng niệm, nhớ đến những điều mà làm cho ác bất thiện pháp sanh khởi.
8. Tà định (Micchāsamadhi), sự phóng dật, sự trụ tâm không kiên cố, làm cho bất thiện sanh khởi.

## 9. Chín pháp cần đoạn trừ

Đây là chín pháp ái căn, chín pháp do ái tham làm gốc (*Taṇhāmūlakā dhammā*):

1. Do duyên ái, có sự tầm cầu (*Taṇhaṃ paṭicca pariyesanā*)
2. Do duyên tầm cầu, có lợi đắc (*Pariyesanaṃ paṭicca lābho*)
3. Do duyên lợi đắc, có phân biệt (*Lābhaṃ paṭicca vinicchayo*)
4. Do duyên phân biệt, có tham dục (*Viniccayaṃ paṭicca chandarāgo*)
5. Do duyên tham dục, có dính mắc (*Chandarāgaṃ paṭicca ajjhosānaṃ*)
6. Do duyên dính mắc, có chấp giữ (*Ajjhosānaṃ paṭicca pariggaho*)
7. Do duyên chấp giữ có bòn xén (*Pariggahaṃ paṭicca macchariyaṃ*)
8. Do duyên bòn xén có bảo thủ (*Macchariyaṃ paṭicca ārakkho*)
9. Do duyên bảo thủ cực đoan mà xảy ra dùng gây trượng, đao kiếm, xung đột, cãi vã, phân tranh, đấu tranh, ly gián, vọng ngôn, và sanh ra nhiều ác bất thiện pháp (*Ārakkhādhikaraṇaṃ paṭicca daṇḍādāna satthādāna kalahaviggaha vivādatuvaṃtuvape suññamusāvādā aneke pāpakā akusalā dhammā sambhavanti*).

## 10. Mười pháp cần đoạn trừ

Đây là mười pháp tà tánh (*Micchatta*):

1. Tà kiến (*Micchādiṭṭhi*), tri kiến tà vạy, tức là chấp thường kiến hay đoạn kiến, vô hành kiến, vô nhân kiến và vô hữu kiến.
2. Tà tư duy (*Micchāsankappo*), sự suy nghĩ quấy, như là dục tâm, sân tâm và hại tâm.
3. Tà ngữ (*Micchāvācā*), nói quấy như là nói dối, nói ly gián, nói độc ác, nói vô ích.
4. Tà nghiệp (*Micchākammanto*), làm quấy như là sát sanh, trộm cắp, tà dâm.
5. Tà mạng (*Micchā-ājīvo*), nuôi mạng bằng cách quấy, tức là sinh kế bằng thân ác, khẩu ác và ý ác.
6. Tà tinh tấn (*Micchāvāyāmo*), sự siêng năng quấy, sự chuyên cần làm cho bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp biến mất, như là mê say dục lạc, siêng năng làm tội ác.
7. Tà niệm (*Micchāsati*), sự nhớ nghĩ quấy, như nhớ tưởng đến hưởng dục, nhớ tưởng điều ác.
8. Tà định (*Micchāsamādhi*), sự tập chú tâm vào đề tài quấy, như là chú tâm đến cảnh ngoài đề mục thiền, làm cho phiền não tăng trưởng.
9. Tà trí (*Micchāñāṇa*), sự hiểu biết quấy, tức là biết những cái không đáng biết, hay dùng mưu trí thực hiện điều ác.
10. Tà giải thoát (*Micchāvimutti*), sự giải thoát sai lạc do ngộ nhận, nói rõ hơn là chưa giải thoát mà chấp là đã giải thoát rồi hoan hỷ theo đó.

---

*Paṭisambhidāmaggo Paṭhamo paññāsako Mahāvaggo*  
*Ñāṇakathā.*  
*Sutamayañāṇaṃ.*

*Kathaṃ sotavadhāne paññā sutamaye ñāṇaṃ:*

*'Ime dhammā abhiññeyyā'ti sotāvadhānaṃ, taṃpajānanā paññā sutamaye ñāṇaṃ.*

*'Ime dhammā pariññeyyā'ti sotāvadhānaṃ, taṃpajānanā paññā sutamaye ñāṇaṃ.*

*'Ime dhammā pahatabbā'ti sotāvadhānaṃ, taṃpajānanā paññā sutamaye ñāṇaṃ.*

*'Ime dhammā bhāvetabbā'ti sotāvadhānaṃ, taṃpajānanā paññā sutamaye ñāṇaṃ.*

*'Ime dhammā sacchikātabbā'ti sotāvadhānaṃ, taṃpajānanā paññā sutamaye ñāṇaṃ.*

*'Ime dhammā hānabhāgiyā'ti sotāvadhānaṃ, taṃpajānanā paññā sutamaye ñāṇaṃ.*

*'Ime dhammā ṭhītibhāgiyā'ti sotāvadhānaṃ, taṃpajānanā paññā sutamaye ñāṇaṃ.*

*'Ime dhammā visesabhāgiyā'ti sotāvadhānaṃ, taṃpajānanā paññā sutamaye ñāṇaṃ.*

*'Ime dhammā nibbedhabhāgiyā'ti sotāvadhānaṃ, taṃpajānanā paññā sutamaye ñāṇaṃ.*

*'Sabbe saṅkhārā aniccā'ti sotāvadhānaṃ, taṃpajānanā paññā sutamaye ñāṇaṃ.*

*'Sabbe saṅkhārā dukkhā'ti sotāvadhānaṃ, taṃpajānanā paññā sutamaye ñāṇaṃ.*

*'Sabbe saṅkhārā anattā'ti sotāvadhānaṃ, taṃpajānanā paññā sutamaye ñāṇaṃ.*

*'Idaṃ dukkhaṃ ariyacca'nti sotāvadhānaṃ, taṃpajānanā paññā sutamaye ñāṇaṃ.*

*'Idaṃ dukkhasamudayo ariyasacca'nti sotāvadhānaṃ, taṃpajānanā paññā sutamaye ñāṇaṃ.*